TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01-06-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tái

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T; nơi cư trú: Thôn TN, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Ninh Văn T1 ; nơi cư trú: Thôn Thanh Khê, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và chị Ninh Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, Hải Phòng vào ngày 28-02-2022. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy

ra bất hoà. Từ tháng 12/2022 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ninh Văn T1 .

Về con chung: Chị và anh Ninh Văn T1 có 01 con chung là Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết, chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tại phiên tòa, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh T1 , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, anh Ninh Văn T1 xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, mặt khác chị T lười lao động nên vợ chồng đã xảy ra bất hòa. Từ tháng 12/2022 đến nay, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Phạm Thị T có 01 con chung là Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh tự giải quyết với chị T.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 . Về con chung: Giao con chung Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 xin tự

giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị T nhận chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Ninh Văn T1 hiện đang cư trú tại Thôn Thanh Khê, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và chị Ninh Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-02-2022, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ tháng 12/2022 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh T1 đều xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị T và chị Ninh Văn T1 phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và chị Ninh Văn T1 có 01 con chung là Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022. Khi ly hôn, anh T1 và chị T cùng đề nghị Tòa án giao con chung cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh T1 đều có thu nhập ổn định. Tuy nhiên cháu Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T và anh T1 xin tự giải quyết, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Thị T nhận chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 .

2. Về con chung: Giao con chung Ninh Đức C, sinh ngày 08-9-2022 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị T và anh Ninh Văn T1 tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và chị Ninh Văn T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T nhận chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002528 ngày 22 tháng 3 năm 2023. Hoàn trả lại chị Phạm Thị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền